TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **26**/2019/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 04 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991;
- Anh Lê Đình T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L với anh Lê Đình T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Bảo A, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị L là 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2019 đến khi cháu Lê Bảo A đủ 18 tuổi trưởng thành, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo quý. Anh Lê Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn

Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Đình T chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình T cùng xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về vay nợ chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình T cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí*:

+ Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^{o} 0002027 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

+ Anh Lê Đình T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Bình Xa (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng